

Số: ...../TTTr-UBND

Tân Yên, ngày ..... tháng 7 năm 2023

**TỜ TRÌNH****Về việc phê chuẩn Quyết toán ngân sách địa phương năm 2022**

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân huyện Tân Yên.

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện về giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện: số 82/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách Nhà nước năm 2022; số 20/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; số 24/NQ-HĐND ngày 29/5/2023 về việc phê chuẩn phương án phân bổ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022, chuyển nguồn ngân sách chưa chi năm 2022 sang chi ngân sách năm 2023; số 25/NQ-HĐND ngày 29/5/2023 về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công từ ngân sách huyện năm 2022 chuyển sang năm 2023;*

Sau khi tổng hợp quyết toán thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn có xác nhận của kho bạc nhà nước; UBND huyện trình HĐND huyện phê chuẩn Quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 như sau:

**1. Tổng quyết toán thu ngân sách địa phương:**

- Thu ngân sách địa phương: 2.328.254.866.027 đồng, trong đó:
  - + Thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 1.163.413.012.707 đồng;
  - + Thu trợ cấp từ ngân sách tỉnh: 876.659.279.470 đồng (trong đó đã bao gồm thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách: 224.550.961.116đ);
  - + Thu kết dư ngân sách năm trước: 690.987 đồng;
  - + Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 287.990.824.863 đồng;
  - + Thu cấp dưới nộp lên cấp trên: 191.058.000 đồng.

2. Tổng quyết toán chi ngân sách địa phương: 2.316.912.112.167 đồng;  
Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 871.218.423.769 đồng;
- Chi thường xuyên: 670.716.666.951 đồng;
- Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 224.550.961.116 đồng;
- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 542.501.411.631 đồng;
- Chi hoàn trả ngân sách cấp trên: 7.924.648.700 đồng.

3. Kết dư ngân sách địa phương năm 2022 chuyển sang năm 2023: 11.342.753.860 đồng, trong đó: Ngân sách huyện: 11.335.636.839 đồng; ngân sách xã, thị trấn: 7.117.021 đồng.

*(Có mẫu biểu số 1 kèm theo)*

UBND huyện trình HĐND huyện xem xét, phê chuẩn./.

*(Kèm theo Báo cáo thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương năm 2022)*

**Nơi nhận:**

- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc HU, UBND huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Viết Toàn**

## THUYẾT MINH

### Quyết toán ngân sách địa phương năm 2022

(Kèm theo Tờ trình số /TT-UBND ngày /7/2023 của UBND huyện)

#### 1. Về thu ngân sách:

Tổng thu NSNN: 2.597.685.840.853 đồng, tăng 281.745.631.063 đồng so với dự toán đã được HĐND huyện thông qua tại kỳ họp tháng 12 năm 2022. Trong đó, điều tiết ngân sách cấp trên: 269.430.974.826 đồng, nguồn thu cân đối ngân sách địa phương: 2.328.254.866.027 đồng, bao gồm: ngân sách huyện 1.904.125.179.799 đồng; ngân sách, thị trấn là 424.129.686.228 đồng. Trong đó:

**1.1. Thu NS trên địa bàn:** 1.425.110.396.833 đồng, tăng 135.873.307.593 đồng so với ước thực hiện tại kỳ họp HĐND tháng 12 năm 2022, được thực hiện trên các nhiệm vụ thu như sau:

- Thu thuế NQD: 43.542.837.517 đồng, trong đó NSH: 41.218.608.876 đồng; NSX, TT: 2.324.228.641 đồng, tăng 8.892.837.517 đồng so với dự toán đã được HĐND huyện thông qua. Thu thuế NQD tăng chủ yếu là do Chi cục thuế khu vực Tân Yên- Yên Thế tăng cường công tác quản lý, đôn đốc thu hồi nợ thuế thuế.

- Thuế thu nhập cá nhân: 31.383.503.516 đồng, trong đó NSH: 14.506.247.202 đồng; NSX, TT: 15.770.631.738 đồng, giảm 616.496.484 đồng so với dự toán đã được HĐND huyện thông qua. Do cuối năm thị trường bất động sản trầm lắng dẫn đến tiến độ thu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản dự kiến thu giảm.

- Thu Phí trước bạ: 61.347.987.845 đồng, trong đó NSH: 55.340.965.853 đồng; NSX, TT: 6.007.021.992 đồng, tăng 6.019.987.845 đồng so với dự toán đã được HĐND huyện thông qua. Do cuối năm một số khu đất đấu giá đến hạn nộp tiền và làm thủ tục cấp GCN nên lệ phí trước bạ từ tiền đất tăng và do nhu cầu mua phương tiện của các cá nhân tăng đột biến dẫn đến thu tiền phí trước bạ từ ô tô xe máy tăng.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 4.108.917.889 đồng, giảm 591.082.111 đồng so với dự toán đã được HĐND huyện thông qua do phát sinh nợ đọng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với những khu đất đã nhiều lần chuyển nhượng chưa xác định được chủ sở hữu QSD đất.

- Phí, lệ phí: 9.275.518.354 đồng, trong đó NSH: 2.463.528.429 đồng, NSX, TT: 4.357.213.961 đồng, tăng 1.473.518.354 đồng so với dự toán đã được HĐND huyện thông qua, chủ yếu là do tăng thu từ phí bảo vệ môi trường từ khai thác khoáng sản.

- Thuê đất: 6.707.636.327 đồng tăng 807.636.327 đồng, so với dự toán điều chỉnh đã được HĐND huyện thông qua do thu được tiền nợ đọng thuế.

- Thu khác ngân sách: 69.878.794.312 đồng, trong đó: ngân sách huyện hưởng: 59.620.988.707 đồng, thu phạt ATGT: 6.199.605.000 đồng, thu khác ngân sách tăng 28.995.794.312 đồng, trong đó: ngân sách huyện tăng 27.075.988.707 đồng so với dự toán đã được HĐND huyện thông qua. Thu khác ngân sách huyện tăng chủ yếu là do xung công tiền cọc đấu giá QSD đất và tiền phạt nộp chậm các khoản thu do cơ quan thuế quản lý (*Có biểu chi tiết số 04 kèm theo*)

- Thu tiền sử dụng đất: 1.189.869.887.699 đồng, NSH: 823.551.195.989 đồng, NSX, TT: 118.998.576.271 đồng, tăng 89.869.887.699 đồng.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 2.476.089.240 đồng, trong đó NSH: 1.426.594.944 đồng; NSX, TT: 951.063.296 đồng.

- Thu tại xã: 4.755.271.800 đồng tăng 742.271.800 đồng so với dự toán đã được HĐND huyện thông qua do cuối năm một số xã thu nộp tiền đất công ích khi nhà nước thu hồi để thực hiện các dự án chuyển mục đích sử dụng đất.

- Thu từ doanh nghiệp địa phương, trung ương: 675.036.334 đồng, tăng 240.036.334 đồng so với dự toán đã được HĐND huyện thông qua. Số thu này không thuộc đối tượng quản lý của Chi cục thuế khu vực Tân Yên - Yên thế, không điều tiết ngân sách huyện, xã do vậy xác định số thu còn không chính xác.

- Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân: 1.088.916.000 đồng, tăng 38.916.000 đồng.

**1.2. Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên:** 876.659.279.470 đồng, trong đó thu NSH: 652.108.318.354 đồng (*đã bao gồm thu chuyển giao ngân sách tỉnh cấp cho NSX, TT*); NSX, TT: 224.550.961.116 đồng); Thu trợ cấp ngân sách cấp trên tăng chủ yếu là do hạch toán chuyển giao ngân sách cấp tỉnh cấp cho NSX, TT qua NSH và một số nhiệm vụ phát sinh cuối năm 2022.

(*Có mẫu biểu số 12, mẫu số 01 kèm theo*).

**1.3. Hoàn trả ngân sách cấp trên:** 7.924.648.700 đồng, trong đó NS huyện: 191.058.000 đồng, tăng 60.000.000đ so với dự toán đã được HĐND huyện thông qua, do cuối năm có một số xã đã hoàn trả thêm nguồn kinh phí huyện cấp cho các xã, TT (*Có biểu 18 kèm theo*)

**1.4. Thu kết dư:** 690.987 đồng, NS xã Việt Lập: 690.987 đồng.

**1.5. Thu chuyển nguồn:** 287.990.824.863 đồng, NSH: 246.774.632.326 đồng, NSX, TT: 41.216.192.537 đồng.

## **2. Chi ngân sách.**

Tổng chi ngân sách huyện: 2.316.912.112.167 đồng, trong đó: NSH: 1.892.789.542.960 đồng; NSX, TT: 424.122.569.207 đồng (*theo biểu số 03 kèm theo*). Trong đó:

**2.1. Chi sự nghiệp kinh tế:** 41.466.632.895 đồng, trong đó: NSH: 29.434.722.860 đồng; NSX, TT: 12.031.910.035 đồng, giảm

10.652.089.965 đồng so với dự toán dự toán đã được HĐND huyện thông qua. Chi sự nghiệp kinh tế cấp xã, TT giảm so với ước thực hiện là do một số dự án hạ tầng nông nghiệp nông thôn không giải ngân được và chi chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo ở một số xã, TT không chi năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 để tiếp tục chi.

**2.2. Chi sự nghiệp văn xã:** 430.801.360.187 đồng, trong đó NSH: 413.221.311.740 đồng; NSX, TT: 17.580.048.447 đồng, chi sự nghiệp văn xã giảm 42.435.563.531 đồng so với do dự toán dự toán đã được HĐND huyện thông qua, chủ yếu là do cấp huyện giảm 42.024.611.978 do với các nội dung sau:

- Chi sự nghiệp VHTT cấp huyện giảm: 324.429.000 đồng do chuyển nguồn sang năm 2023 tiếp tục chi: 300.000.000đ; dự toán không chi hết để tồn kết dư ngân sách huyện: 24.429.000đ;

- Chi sự nghiệp thể thao giảm: 74.198.500 đồng dự toán không chi hết để tồn kết dư ngân sách huyện

- Chi đảm bảo xã hội giảm: 904.067.150 đồng do ước dự toán chi cho các đối tượng bảo trợ còn chưa sát với dự toán giao.

- Chi sự nghiệp giáo dục giảm: 39.944.081.899 đồng, do: chuyển nguồn sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện: 39.459.234.099 đồng (nguồn cải cách tiền lương: 22.569.721.000đ, kinh phí tự chủ đã giao cho các đơn vị chưa thực hiện hết: 1.623.513.099đ; tiết kiệm chi: 5.516.000.000đ; kinh phí mua sắm được phép chuyển nguồn: 9.750.000.000đ), kinh phí đã cấp cho đơn vị nhưng không thực hiện hết để kết dư ngân sách huyện: 484.847.800đ;

- Chi sự nghiệp y tế giảm: 800.862.429 đồng do kinh phí cấp cho Trung tâm y tế thực hiện công tác phòng chống dịch không sử dụng hết để kết dư ngân sách: 274.484.104đ; kinh phí đã cấp cho Trung tâm y tế chuyển nguồn sang năm 2023 tiếp tục chi: 192.000.000đ và ước chi trả BHYT cho các đối tượng chưa sát với thực tế: 334.378.325đ .

- Chi Trung tâm BDCT huyện tăng chi kinh phí Hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi toàn quốc: 23.027.000 đồng

**2.3. Chi sự nghiệp môi trường:** 5.029.541.256 đồng. Trong đó: NSH 1.395.766.600 đồng, NSX, TT: 3.633.774.656 đồng; chi sự nghiệp môi trường huyện giảm: 1.592.953.400 đồng, do: cấp kinh phí cho các xã, TT giải quyết rác tồn đọng ở các cống: 670.181.000đ, kinh phí tiết kiệm chi chuyển sang năm 2023 tiếp tục thực hiện: 729.000.000đ, kinh phí còn lại không thực hiện để kết dư ngân sách huyện: 193.772.400đ.

**2.5. Chi quản lý hành chính:** 154.384.600.685 đồng, trong đó: NSH: 39.190.833.100 đồng, NSX,TT: 115.193.767.585 đồng, tăng 37.673.885 đồng. Trong đó: ngân sách huyện giảm 6.298.093.700 đồng do: Tiết kiệm chi từ mua sắm

của Văn phòng HĐND& UBND huyện: 4.972.000.000đ, phòng VHHT: 2.250.000.000đ; chuyển nguồn kinh phí tự chủ sang năm 2023 tiếp tục thực hiện: 121.783.000đ; kinh phí còn lại chuyển kết dư: 415.788.900 triệu đồng.

**2.6. Chi nhiệm vụ an ninh địa phương:** 5.375.431.828 đồng, trong đó NSH: 4.477.874.840 đồng; NSX, TT: 897.556.988 đồng, giảm 35.225.772 đồng so với dự toán đã được HĐND huyện phê chuẩn, trong đó: tăng chi ngân sách huyện: 145.217.240 đồng, do bổ sung kinh phí Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đăng ký xe đối với Công an cấp xã: 618.000.000đ; kinh phí tiết kiệm chi từ kinh phí thực hiện Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030: 501.967.000đ; kinh phí đã cấp không thực hiện để kết dư ngân sách huyện: 51.158.160đ;

**2.7. Chi nhiệm vụ quốc phòng:** 25.441.005.100 đồng, trong đó NSH: 16.988.958.000 đồng; NSX, TT: 8.452.047.100 đồng, tăng 8.603.525.100 đồng so với dự toán đã được HĐND huyện phê chuẩn, chủ yếu là do tăng chi quốc phòng chi ngân sách cấp huyện: 7.999.478.000đ, trong đó: chi từ thu tiền sử dụng đất để Xây dựng hầm hạp và hạ tầng cơ sở khu căn cứ chiến đấu của huyện: 6 tỷ đồng, kinh phí trả Bộ CHQS tỉnh xây dựng doanh trại Ban CHQS huyện: 1.999.478.000đ;

**2.8. Chi khác ngân sách:** 5.840.095.000 đồng, trong đó: NSH: 5.770.034.000 đồng, NSX, TT 70.061.000 đ (Có biểu chi tiết số 9 kèm theo).

**2.9. Chi đầu tư phát triển:** 871.218.423.769 đồng, trong đó: NSH: 673.843.693.700 đồng, NSX, thị trấn 197.374.730.069 đ, chi đầu tư phát triển và chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất giảm chủ yếu là do một số công trình dự án chưa có khối lượng hoàn thành nên không giải ngân được và một số công trình chuyển nguồn sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện.

**2.10. Trích lập quỹ thi đua khen thưởng:** 2.378.000.000 đồng.

**2.11. Cấp mục tiêu hỗ trợ cho NSX, TT:** 224.550.961.116 đồng.

**2.12. Chi chuyển nguồn:** 542.501.411.631 đồng trong đó: Ngân sách huyện: 473.803.796.304 đồng, NSX, TT: 68.697.615.327 đồng (có biểu số 17 kèm theo).

**2.14. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên:** 7.924.648.700 đồng, trong đó: ngân sách huyện: 7.733.590.700đ (có biểu số 18 kèm theo)/.